

Bản án số: 60/2024/KDTM-ST  
Ngày: 03-5-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tuấn Nhu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Phục
2. Bà Phạm Thị Phước

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 và 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2024/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty Cho thuê Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q; Trụ sở: Tầng B, Saigon Trade C, số C đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông C1, Y - Chen, năm sinh 1968; Chức danh; Tổng giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Hồ Văn N, năm sinh 1999 là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 579.2023/GUQ-COL ngày 27 tháng 10 năm 2023. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P; Trụ sở: Số A đường H, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn*: Ông Châu Minh X, năm sinh 1981; Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ thường trú: Số C đường N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Nguyễn Văn T1, năm sinh 1972
- Bà Trần Đắc Phụng K, năm sinh 1972

Cùng thường trú: Số F đường B, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2023, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 13/11/2023 của Công ty Cho thuê Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có ông Hồ Văn Nghĩa 1 người đại diện theo ủy quyền trình bày: Do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P (viết tắt Công ty P) có nhu cầu sử dụng máy đào để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên đề nghị Công ty Cho thuê Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q (viết tắt Công ty Q) hỗ trợ tài chính. Ngày 07/10/2020, hai bên ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số B201007803, theo đó Công ty P thuê 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5414 trị giá 1.780.000.000 đồng và 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5413 trị giá 1.400.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản thuê là 3.180.000.000 đồng có thời hạn 36 tháng tính từ ngày 21/10/2020, Công ty P thanh toán trước 636.000.000 đồng và tiền ký cược bảo đảm 318.000.000 đồng; giá trị thuê còn lại là 2.544.000.000 đồng. Ngày 18/3/2022, hai bên tiếp tục ký hợp đồng cho thuê tài chính số B220325803, theo đó Công ty P thuê 01 máy đào bánh xích hiệu Komatsu, biển số 50XA-5975 trị giá 1.800.000.000 đồng có thời hạn 48 tháng tính từ ngày 24/3/2022, Công ty P thanh toán trước 360.000.000 đồng và tiền ký cược bảo đảm 180.000.000 đồng, giá trị thuê còn lại là 1.440.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thuê của hai hợp đồng là 3.984.000.000 đồng và tiền lãi được tính trên lãi suất tiêu chuẩn Việt Nam đồng cộng với biên độ là (+) 2.88%/năm.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty P, ông Nguyễn Văn T1 (viết tắt ông T1) lập thư bảo lãnh đề ngày 07/10/2020 và bà Trần Đắc Phụng K (viết tắt bà K) lập thư bảo lãnh đề ngày 18/3/2022 gửi cho Công ty Q và được Công ty Q chấp nhận. Theo đó, trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì ông T1 và bà K sẽ thanh toán thay cho Công ty P.

Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thanh toán được tổng số tiền 2.589.122.898 đồng, bao gồm: hợp đồng số B201007803 là 2.244.620.650 đồng, trong đó: tiền nợ vốn 1.766.666.650 đồng, tiền lãi 477.954.000 đồng và hợp đồng số B220325803 là 341.694.600 đồng, trong đó: tiền nợ vốn 240.000.000 đồng, tiền lãi 101.694.600 đồng rồi không thực hiện thanh toán nữa. Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 17/3/2023 Công ty Q đơn phương chấm dứt các hợp đồng thuê và Công ty P còn nợ tổng số tiền 2.433.470.361 đồng, bao gồm: hợp đồng số B201007803 là 907.987.608 đồng, trong đó: tiền nợ vốn 777.333.350 đồng, tiền lãi 130.654.258 đồng và hợp đồng số B220325803 là 1.525.482.753 đồng, trong đó: tiền nợ vốn 1.200.000.000 đồng, tiền lãi 325.482.753 đồng.

Sau khi trừ đi tiền ký cược 318.000.000 đồng mà Công ty P đã đặt cho Công ty Q thì số tiền nợ vốn của hợp đồng số B201007803 là 459.350.000 đồng và trừ đi tiền ký cược 180.000.000 đồng mà Công ty P đã đặt cho Công ty Q thì số tiền nợ vốn của hợp đồng số B220325803 là 1.020.000.000 đồng; tổng số tiền nợ vốn của hai hợp đồng là 1.479.333.350 đồng. Công ty Q yêu cầu Công ty P thanh toán tiền nợ vốn là 1.479.333.350 đồng, tiền lãi tính đến ngày 17/3/2023 là 456.137.011 đồng (trong đó: hợp đồng số B201007803 là 130.654.258 đồng, hợp đồng số B220325803 là 325.482.753 đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 24/4/2024 là 316.143.887 đồng (trong đó: hợp đồng số B201007803 là 172.658.929 đồng, hợp đồng số B220325803 là 143.484.958 đồng); tổng số tiền là 2.251.614.248 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh tiếp theo tính trên vốn gốc với mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh xong vốn gốc. Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền thuê còn nợ thì ông T1 và bà K thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty Q. Sau khi Công ty P thanh toán đủ số tiền còn nợ cho Công ty Q và giá trị còn lại của các Hợp đồng cho thuê tài chính là 99.600.000 đồng thì Công ty Q chuyển quyền sở hữu cho Công ty P các tài sản thuê gồm: 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5414; 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5413 và 01 máy đào bánh xích hiệu Komatsu, biển số 50XA-5975. Đồng thời không yêu cầu Công ty P giao trả tài sản thuê cho Công ty Q để xử lý, thu hồi nợ trong trường hợp Công ty P không thanh toán đủ số tiền còn nợ.

Bị đơn Công ty P vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Đắc Phương K vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử;

Chấp nhận yêu cầu của Công ty Q về việc yêu cầu Công ty P thanh toán tiền nợ vốn là 1.479.333.350 đồng, giá trị còn lại 99.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu Công ty Q về việc yêu cầu ông T1 và bà K có nghĩa vụ thanh toán thay cho Công ty Q trong trường hợp Công ty P không thực hiện việc thanh toán hoặc thanh toán không đủ.

Sau khi Công ty P thanh toán đủ số tiền còn nợ cho Công ty Q và giá trị còn lại của các Hợp đồng cho thuê tài chính thì Công ty Q chuyển quyền sở hữu cho Công ty P các tài sản thuê gồm: 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5414; 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5413 và 01 máy đào bánh xích hiệu Komatsu, biển số 50XA-5975.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty Q về việc buộc Công ty P giao trả tài sản thuê cho Công ty Q để xử lý, thu hồi nợ trong trường hợp Công ty P không thanh toán đủ số tiền còn nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Q yêu cầu Công ty P thanh toán tiền thuê tài sản liên quan đến hợp đồng cho thuê tài chính số B201007803 ngày 07/10/2020 và số B220325803 ngày 18/3/2022. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[1.2] Xét Công ty P, ông T1 và bà K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty P, ông T1 và bà K vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Công ty P, ông T1 và bà K là phù hợp với quy định tại

khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng cho thuê tài chính số B201007803 ngày 07/10/2020 và số B220325803 ngày 18/3/2022 cùng các phụ lục hợp đồng giữa Công ty Q và Công ty P thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật về hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401, Điều 403, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 476, Điều 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ vốn: Căn cứ hợp đồng cho thuê tài chính số B201007803 ngày 07/10/2020 thể hiện Công ty P thuê của Công ty Q hai máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5413; 50XA-5414 có thời hạn 36 tháng với tổng giá trị 2.544.000.000 đồng và hợp đồng cho thuê tài chính số B220325803 ngày 18/3/2022 thể hiện Công ty P thuê của Công ty Q một máy đào bánh xích hiệu Komatsu, biển số 50XA-5975 có thời hạn thuê 48 tháng với giá trị thuê 1.440.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản thuê của hai hợp đồng là 3.984.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thanh toán tiền thuê được 2.006.666.650 đồng, trong đó: hợp đồng số B201007803 là 1.766.666.650 đồng và hợp đồng số B220325803 là 240.000.000 đồng rồi không thanh toán nữa. Ngày 17/3/2023, Công ty Q đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê và xác định tổng số tiền Công ty P còn nợ là 1.977.333.350 đồng, trong đó: hợp đồng số B201007803 là 777.333.350 đồng và hợp đồng số B220325803 là 1.200.000.000 đồng nhưng tại thời chấm dứt hợp đồng Công ty Q không trừ 498.000.000 đồng (hợp đồng số B201007803 là 318.000.000 đồng, hợp đồng số B220325803 là 180.000.000 đồng) là tiền ký cược mà Công ty Q còn giữ của Công ty P vào số tiền còn nợ là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P. Tuy nhiên tại phiên tòa, Công ty Q đồng ý trừ 498.000.000 đồng tiền ký cược mà Công ty Q đang giữ của Công ty P vào số tiền nợ của Công ty P, cụ thể: hợp đồng số B201007803 là 777.333.350 đồng - 318.000.000 đồng = 459.333.350 đồng; hợp đồng số B220325803 là 1.200.000.000 đồng - 180.000.000 đồng = 1.020.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty P không có ý kiến cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của Công ty Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền nợ vốn mà Công ty P còn nợ Công ty Q là 1.479.333.350 đồng, trong đó: hợp đồng số B201007803 là 459.333.350 đồng và hợp đồng số B220325803 là 1.020.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi: Theo các hợp đồng nêu trên đều có thỏa thuận tiền lãi và lãi suất được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn Việt Nam đồng cộng với biên độ (+) 2.88%/năm. Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thanh toán cho Công ty Q tổng số tiền lãi 579.648.600 đồng, trong đó: hợp đồng số B201007803 là 477.954.000 đồng và hợp đồng số B220325803 là 101.694.600

đồng rồi không thanh toán nữa. Thời gian mà Công ty P vi phạm là ngày 20/11/2022. Vì vậy, Công ty Q yêu cầu Công ty P thanh toán nợ gốc còn lại là 1.479.333.350 đồng và tiền lãi được Công ty Q yêu cầu Công ty P thanh toán được tính từ ngày vi phạm 20/11/2022 đến ngày chấm dứt hợp đồng 17/3/2023 theo mức lãi suất 13,95% của hợp đồng số B201007803 và theo mức lãi suất 15,16% của hợp đồng số B220325803 là phù hợp. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này không bao gồm tiền giá trị còn lại của các Hợp đồng cho thuê tài chính và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 17/3/2023 đến ngày 24/4/2024 của hợp đồng số B201007803 là 172.658.292 đồng trên số tiền nợ vốn 777.333.350 đồng là chưa phù hợp mà phải trên số tiền nợ vốn 459.333.350 đồng là 91.507.449 đồng và tiền lãi chậm thanh toán của hợp đồng số B220325803 là 143.484.958 đồng trên số tiền nợ vốn 1.200.000.000 đồng là chưa phù hợp mà phải trên số tiền nợ vốn 1.020.000.000 đồng là 101.206.358 đồng. Vì vậy, tiền lãi của hợp đồng số B201007803 được tính từ ngày 20/11/2022 đến ngày 17/3/2023 là 67.054.258 đồng và từ ngày 17/3/2023 đến ngày 24/4/2024 là 91.507.449 đồng; tiền lãi của hợp đồng số B220325803 được tính từ ngày 20/11/2022 đến ngày 17/3/2023 là 289.482.753 đồng và từ ngày 18/3/2023 đến ngày 24/4/2024 là 101.206.358 đồng. Tổng tiền lãi mà Công ty P thanh toán cho Công ty Q là 549.250.818 đồng.

Từ những nhận định trên, Công ty P phải thanh toán cho Công ty Q tổng số tiền 2.028.584.168 đồng, trong đó: hợp đồng số B201007803 là 617.895.057 đồng (tiền nợ vốn 459.333.350 đồng, tiền nợ lãi 158.561.707 đồng) và hợp đồng số B220325803 là 1.410.689.111 đồng (tiền nợ vốn 1.020.000.000 đồng, tiền nợ lãi 390.689.111 đồng).

[2.4] Xét tại phiên tòa, Công ty Q đồng ý sau khi Công ty P thanh toán đủ số tiền còn nợ và giá trị còn lại của các Hợp đồng cho thuê tài chính cho Công ty Q thì Công ty Q chuyển quyền sở hữu các tài sản thuê, gồm 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5414; 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5413 và 01 máy đào bánh xích hiệu Komatsu, biển số 50XA-5975 cho Công ty P. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với việc giải quyết vụ án được toàn diện và khách quan nên ghi nhận yêu cầu này của Công ty Q.

[2.5] Xét Công ty Q không yêu cầu Công ty P giao trả tài sản thuê cho Công ty Q để xử lý, thu hồi nợ trong trường hợp Công ty P không thanh toán đủ số tiền còn nợ. Do Công ty Q rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút.

[2.6] Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ thư bảo lãnh cá nhân ngày 07/10/2020, ngày 18/3/2022 của ông T1 và thư bảo lãnh cá nhân ngày 07/10/2020, ngày 18/3/2022 của bà K, theo đó ông T1 và bà K đồng ý trong trường hợp Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Q thì ông T1 và bà K thanh toán thay cho Công ty P. Hội đồng xét xử xét thấy thư bảo lãnh của ông T1 và bà K là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Công ty

Q yêu cầu ông T1 và bà K có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty P trong trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đủ là có căn cứ.

[2.7] Xét Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Q, thời gian vi phạm đã lâu nên Công ty Q yêu cầu Công ty P thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[2.8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, buộc Công ty P thanh toán 2.128.184.168 đồng nên Công ty P phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán. Án phí mà Công ty P phải chịu là 74.563.683 đồng theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty Q được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401, Điều 403, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 476, Điều 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí, Lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Q.**

1.1 Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P thanh toán cho Công ty Q số tiền 2.128.184.168 (Hai tỷ một trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi tám) đồng; bao gồm:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B201007803 ngày 07 tháng 10 năm 2020 là 617.895.057 (Sáu trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn

không trăm năm mươi bảy) đồng, trong đó: tiền thuê 459.333.350 (Bốn trăm năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm năm mươi) đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 17 tháng 3 năm 2023 là 67.054.258 (Sáu mươi bảy triệu không trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi tám) đồng và nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 17/3/2024 tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2024 là 91.507.449 (Chín mươi một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm bốn mươi chín) đồng;

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B220325803 ngày 18 tháng 3 năm 2022 là 1.410.689.111 (Một tỷ bốn trăm mười nghìn sáu trăm tám mươi chín nghìn một trăm mười một) đồng, trong đó: tiền thuê 1.020.000.000 (Một tỷ không trăm hai mươi triệu) đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 17 tháng 3 năm 2023 là 289.482.753 (Hai trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng và tiền nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2024 là 101.206.358 (Một trăm lẻ một triệu hai trăm lẻ sáu nghìn ba trăm năm mươi tám) đồng;

- Số tiền còn lại là 63.600.000 (Sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn) đồng theo hợp đồng cho thuê tài chính số B201007803 ngày 07 tháng 10 năm 2020;

- Số tiền còn lại là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220325803 ngày 18 tháng 3 năm 2022;

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên thuê còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho thuê theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bên thuê phải tiếp tục thanh toán cho bên cho thuê theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho thuê.

1.3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P không thực hiện việc thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Đắc Phương K có nghĩa vụ thanh toán thay cho Công ty Q.

1.4. Ngay khi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P thanh toán hết tiền nợ vốn, tiền nợ lãi và số tiền còn lại là 63.600.000 (Sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn) đồng theo hợp đồng cho thuê tài chính số B201007803 ngày 07 tháng 10 năm 2020 và số tiền còn lại là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220325803 ngày 18 tháng 3 năm 2022 cho Công ty Q thì Công ty Q có trách nhiệm chuyển quyền sở hữu các tài sản thuê, gồm 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5414; 01 máy đào bánh xích hiệu Sumitomo, biển số 50XA-5413 và 01 máy đào bánh xích hiệu Komatsu, biển số 50XA-5975 cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.



2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Q không yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P giao trả tài sản trong trường hợp không thanh toán đủ số tiền còn nợ.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- H lại cho Công ty Q số tiền 40.440.218 (Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm mười tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2023/0023117 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P phải chịu án phí 74.563.683 (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi ba) đồng.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Công ty Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P, ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Đắc Phương K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Tuấn Nhu**

